

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST

Ngày: 27-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Triệu Khánh Long**.

2. Bà **Phạm Thị Hương**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tâm**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Kiều Mỹ** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS, ngày 11/02/2019 đối với bị cáo:

Sơn Trường G, sinh năm 1991; Tại C, D; Nơi cư trú: khóm 1, phường 2, thị xã C, tỉnh D; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sơn T (s) và bà Thạch Thị Thu H (s); có 04 anh, em lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2004; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Ngọc H1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Bị hại: Trần Văn T1, sinh năm 1950; Nơi cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã C, tỉnh D. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Huỳnh Sa Y (Ê), sinh năm 1980; nơi cư trú: Khóm M, phường N, thị xã C, tỉnh D. (có mặt)

2/ Vũ Ngọc H2 (B), sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ O, ấp P, xã Q, huyện R, tỉnh S. (vắng mặt)

Những người tham gia tố tụng khác:

Người phiên dịch: Ông Sơn C, Cán bộ Đài truyền thanh thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 26/7/2018 Huỳnh Sa Y (Ê) điều khiển xe mô tô chở Sơn Trường G từ khóm A, phường B, thị xã C đến nhà bạn tên C ở Khóm S, Phường

T, thị xã C. Khi đến đoạn đường thuộc khóm A, phường B G nhìn thấy trước nhà ông Trần Văn T1 có chiếc xe mô tô biển số 83F7-3331 đang đậu không có ai trông coi. Do nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô, nên G kêu Y quay xe lại, khi Y quay lại khỏi nhà ông T1, G kêu dừng xe cho G xuống và kêu Y chạy xe về trước. Khi Y đã chạy xe đi về thì G quan sát thấy có chìa khóa trên xe nên đã lên dẫn xe ra lộ nỏ máy chạy về nhà. Khi về đến nhà G tháo dàn áo mũ xe và biển số 83F7-3331 ra thay vào biển số 61N1-027.25 do G nhặt được từ trước gắn vào để sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau đó ném bỏ biển số 83F7-3331, còn dàn áo xe thì bán cho người mua phết liệu dạo không rõ họ tên địa chỉ. Đến ngày 02/8/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C mời G đến cơ quan làm việc, G đã thừa nhận hành vi lấy trộm xe biển số 83F7-3331 của ông Trần Văn T1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS, ngày 07/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã C kết luận: Chiếc xe mô tô biển số 83F7-333 có giá trị còn lại là 4.110.000 đồng (Bốn triệu một trăm mười nghìn đồng) (tài bút lục 83, 84)

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKS-VC ngày 26/12/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã C để xét xử bị cáo: Sơn Trường G về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự 2015).

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh D trong phần tranh luận đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sơn Trường G phạm tội “ Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: từ 03 đến 06 tháng tù về trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng là xe mô tô hiệu Honda, biển số 83F7-3331, số khung 08072Y249625, số máy HC08E0249506 đã được trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định số: 25, ngày 27/9/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu, nên không đặt ra xét lại; Riêng biển số xe 61N1-027.25 (do bị cáo Sơn Trường G nhặt được) đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho bị cáo: thống nhất về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ như quyết định truy tố của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đã hội đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02 ngày 15/5/2018 nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo đã cung cấp đơn xin được miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng thêm điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để miễn án phí đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Sơn Trường G thống nhất với lời trình bày của người bào chữa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về giúp đỡ gia đình.

Tại phiên tòa, bị hại thống nhất với nội dung của quyết định truy tố, ý kiến của vị Kiểm sát viên và lời nhận tội của bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản của mình nên không có yêu cầu gì khác; Về trách nhiệm hình sự: yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông Vũ Ngọc H2 vắng mặt, tuy nhiên cơ quan điều tra đã chứng minh làm rõ ông H2 chỉ là người đã đánh rơi biển kiểm soát xe của mình số 61N1- 02725 từ năm 2016 tại tỉnh S, nay đã được cấp lại. Xét thấy, sự vắng mặt của ông H2 không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án; căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H2 theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu hồi vật chứng, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, lời khai của bị hại cũng như các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở kết luận vào ngày 26/7/2018 bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô giá trị còn lại tổng cộng là 4.110.000 đồng (Bốn triệu một trăm mười nghìn đồng). Nên bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì tham lam, lười biếng lao động nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người quản lý tài sản để thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương, tạo ra sự hoang mang, lo sợ làm cho nhân dân không an tâm lao động sản xuất. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian hợp lý để giáo dục bị cáo và làm gương cho người khác.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào; tài sản đã được trả lại cho bị hại; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi

phạm tội của mình và là người dân tộc khmer. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng là xe mô tô hiệu Honda, biển số 83F7-3331, số khung 08072Y249625, số máy HC08E0249506 đã được xử lý xong tại Quyết định số: 25, ngày 27/9/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu, nên không đặt ra xét lại; Riêng biển số xe 61N1-027.25 (do bị cáo Sơn Trường G nhặt được) không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo phiếu nhập kho số NK016 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Sơn Trường G đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy yêu cầu của người bào chữa cho bị cáo được hưởng án treo là chưa nghiêm, chưa đủ tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên tòa xét thấy lời đề nghị của vị Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo Sơn Trường G là người dân tộc khomer và đang sinh sống tại khóm Biển Trên A, phường Vĩnh Phước có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để miễn án phí đối với bị cáo.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Sơn Trường G, phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Xử phạt bị cáo Sơn Trường G: **04 (Bốn)** tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng là xe mô tô hiệu Honda, biển số 83F7-3331, số khung 08072Y249625, số máy HC08E0249506 đã được xử lý xong tại Quyết định số: 25, ngày 27/9/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu, nên không đặt ra xét lại; Riêng biển số xe 61N1-027.25 (do bị cáo Sơn Trường G nhặt được) không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo phiếu nhập kho số NK016 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng đối với người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKND TST;
- VKSND TXVC;
- CQTHAHS CA TXVC;
- Chi cục THA TXVC;
- Sở TP TST;
- BC; BH; NLQ;
- Phòng KTNV&THA TAND TST;
- Lưu: Hs.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thanh